

Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở Rừng đặc dụng Yên Tử, Quảng Ninh

Phùng Văn Phê¹, Nguyễn Trung Thành^{2,*}

¹Bộ môn Sinh học, Khoa Lâm học, Trường Đại học Lâm nghiệp, Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội, Việt Nam

²Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 26 tháng 2 năm 2008

Tóm tắt. 1. Tổng số loài cây thuốc điều tra trong khu vực nghiên cứu là 143 loài thuộc 131 chi 69 họ của ba ngành thực vật. Trong đó, ngành Hạt kín có tới 137 loài chiếm 95.80%, ngành Dương xỉ có 5 loài chiếm 3.82% và ngành Hạt trần có 1 loài chiếm 0.70%. 2. Mười họ có số loài lớn nhất là 58 loài chiếm 40.54% số loài và 51 chi chiếm 38.92% số chi của khu vực. Đó là Họ Cúc (Asteraceae), Họ Đậu (Fabaceae), Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), Họ Cam (Rutaceae), Họ Gừng (Zingiberaceae), Họ Bạc hà (Lamiaceae), Họ vang (Caesalpiniaceae), Họ Cà phê (Rubiaceae), Họ Hoà thảo (Poaceae) và Họ hành (Alliaceae). 3. Thực vật làm thuốc ở Rừng đặc dụng Yên Tử được đánh giá là đa dạng về dạng sống, với sự có mặt của 6 dạng sống khác nhau với 143 loài. Trong đó, dạng cây bụi chiếm số lượng lớn nhất là 46 loài chiếm 32.17%, dạng thân thảo 41 loài chiếm 28.67%. 4. Sự đa dạng về các bộ phận sử dụng được xác định là bộ phận sử dụng nhiều nhất với 81 loài, chiếm 32.79%, tiếp đến thân, rễ và quả cũng được sử dụng nhiều (thân: 21.46%, rễ: 16.19%, quả: 12.56%).

Từ khoá: Đa dạng cây thuốc, Yên tử, Quảng Ninh.

1. Đặt vấn đề

Rừng đặc dụng, Di tích lịch sử cảnh quan môi trường Yên Tử, có diện tích 2668,5 ha, thuộc địa phận xã Thượng Yên Công, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, cách thành phố Hạ Long 40 km về phía Đông Bắc, cách thủ đô Hà Nội 150 Km. Rừng đặc dụng Yên Tử là khu vực có tiềm năng đa dạng sinh học to lớn, với khu hệ động thực vật phong phú đa dạng, có nhiều loài quý hiếm, đặc trưng cho hệ động thực vật Đông Bắc, vừa là điểm tham quan du lịch nổi tiếng, gắn với Côn Sơn - Kiếp Bạc và thành

phố du lịch Hạ Long. Kết quả điều tra năm 2005-2006 [1] đã phát hiện được ở khu vực có phân bố tự nhiên 721 loài thuộc 425 chi, 154 họ của 4 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Thông đất (*Lycopodiophyta*), ngành Dương xỉ (*Polypodiophyta*), ngành Hạt trần (*Gymnospermae*) và ngành Hạt kín (*Angiospermae*). Trong đó có 547 loài cây có ích được xếp vào 12 nhóm công dụng khác nhau, 20 loài cây quý hiếm được ghi trong sách Đỏ Việt Nam (1996) [2] và 6 loài cây được ghi trong Nghị định 32/NĐ-CP/2006 [3] bởi Chính phủ Việt Nam. Đặc biệt ở Rừng đặc dụng Yên Tử có nhiều loài cây thuốc có giá trị được nhân dân địa phương khai thác, sử dụng trong cuộc sống hàng ngày và đem bán, có nhiều loài cây bị đe dọa cần phải

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-4-38582178
E-mail: thanhntsh@gmail.com

có các giải pháp bảo tồn chúng. Hiện nay, ở Rừng đặc dụng Yên Tử có 6 cộng đồng dân tộc cùng sinh sống, trong đó chủ yếu là cộng đồng người Dao. Ở đây vẫn diễn ra các hoạt động khai thác cây thuốc của cộng đồng địa phương. Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi đã triển khai đề tài: "Nghiên cứu đa dạng và bảo tồn cây thuốc nam tại rừng đặc dụng Yên Tử, Quảng Ninh, Việt Nam". Dưới đây là một số kết quả thu được.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng và thời gian nghiên cứu: đối tượng nghiên cứu là cây thuốc phân bố tự nhiên và trồng ở Rừng đặc dụng Yên Tử, Quảng Ninh, những kinh nghiệm của cộng đồng địa phương trong việc sử dụng cây thuốc nam trong phạm vi rừng đặc dụng Yên Tử, Quảng Ninh. Thời gian nghiên cứu trong năm 2007 và 2008.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

+ **Phương pháp nghiên cứu kế thừa tài liệu:** kế thừa các nguồn tài liệu, các kết quả của các nghiên cứu đã công bố.

+ **Phương pháp điều tra cây thuốc trên tuyến:** lập các tuyến điều tra qua các hệ sinh thái, các trạng thái rừng và các dạng địa hình khác nhau. Trên các tuyến thống kê, mô tả các loài thực vật được sử dụng làm thuốc. Quá trình điều tra trên tuyến sử dụng GPS để xác định hướng đi, chiều dài tuyến điều tra; đồng thời có sự tham gia hỗ trợ của của nhân dân địa phương để nhận mặt cây thuốc. Tiến hành chụp ảnh cây thuốc bằng máy ảnh kỹ thuật số.

+ **Phương pháp điều tra cây thuốc trên ô tiêu chuẩn:** trên các tuyến điều tra, lập các ô tiêu chuẩn đại diện, điển hình cho từng trạng thái, từng kiểu rừng. Trong ô tiêu chuẩn thống kê các loài cây được dùng làm thuốc ở tầng cây cao, tầng cây tái sinh, tầng cây bụi thảm tươi. Sử dụng GPS để xác định tọa độ địa lý của ô

tiêu chuẩn và chụp ảnh cây thuốc có tham gia hỗ trợ của của nhân dân địa phương và các thầy lang.

+ **Phương pháp điều tra phỏng vấn nhân dân:** để thống kê thành phần cây thuốc nam được trồng ở vườn nhà, vườn rừng, trạm y tế công cộng; những kinh nghiệm sử dụng cây thuốc nam của cộng đồng địa phương; tình hình tổ chức quản lý tài nguyên rừng của Ban quản lý Rừng đặc dụng Yên Tử. Ngoài ra, chụp ảnh cây thuốc trong vườn cây thuốc, ở nơi bán thuốc, chụp ảnh một số hoạt động sản xuất của cộng đồng địa phương gắn với cây thuốc.

+ **Phương pháp thu mẫu và xử lý mẫu vật:** Mẫu vật thu thập được xử lý làm thành tiêu bản theo phương pháp phổ biến hiện nay ở Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.

+ **Phương pháp xác định tên khoa học và xây dựng danh lục:** danh lục được xây dựng theo hệ thống phân loại của Brummitt [4], kết hợp với Luật danh pháp Quốc tế Tokyo [5] và [6-11].

+ **Phương pháp đánh giá đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc:** theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn [12].

3. Kết quả và biện luận

3.1. Đa dạng về thành phần loài cây thuốc nam ở khu vực nghiên cứu

Qua điều tra trên 10 tuyến điển hình và phỏng vấn 15 hộ gia đình chúng tôi đã phát hiện được 143 loài thực vật thuộc 131 chi, 69 họ, 3 ngành thực vật bậc cao có mạch có giá trị làm thuốc. Trong đó ngành Hạt kín đa dạng nhất với 137 loài, chiếm 95.80%; tiếp theo là ngành Dương xỉ có 5 loài chiếm 3,5%; cuối cùng là ngành Hạt trần có 1 loài chiếm 0,7%. Trong ngành Hạt kín thì lớp Hai lá mầm ưu thế hơn với 107 loài cây thuốc chiếm 74.82%, lớp Một lá mầm có 30 loài cây thuốc chiếm 20.98% (Bảng 1).

Bảng 1. Đa dạng về thành phần loài cây thuốc nam ở khu vực nghiên cứu

Ngành thực vật	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Dương xỉ (Polypodiophyta)	3	4.35	5	3.82	5	3.50
Hạt trần (Gymnospermae)	1	1.45	1	0.76	1	0.70
Hạt kín (Angiospermae)	65	94.20	125	95.42	137	95.80
Lớp Hai lá mầm (Dicotyledoneae)	49	71.01	95	72.52	107	74.82
Lớp Một lá mầm (Monocotyledoneae)	16	23.19	30	22.90	30	20.98
Tổng cộng	69	100	131	100	143	100

Đa dạng ở bậc họ: Mười họ có số loài cây thuốc nhiều nhất được biết ở khu vực nghiên cứu là Họ Cúc (Asteraceae) với 7 chi (chiếm 5.34%), 9 loài (chiếm 6.29%); Họ Đậu (Fabaceae) với 6 chi (chiếm 4.58%), 8 loài (chiếm 5.59%); Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) với 6 chi (chiếm 4.58%), 8 loài (chiếm 5.59%); Họ Cam (Rutaceae) với 6 chi (chiếm 4.58%), 6 loài (chiếm 4.20%); Họ gừng (Zingiberaceae) với 5 chi (chiếm 3.82%), 5 loài (chiếm 3.509%); Họ Bạc hà (Lamiaceae) với 5 chi (chiếm 3.82%), 5 loài (chiếm 3.50%); Họ vang (Caesalpiniaceae), Họ Cà phê (Rubiaceae), Họ Hoà thảo (Poaceae) và Họ hành (Alliaceae) đều có 4 chi (chiếm 3.05%) và 4 loài (chiếm 2.79%); Riêng họ Vang có 5 loài chiếm 3.50%. Tổng số loài của 10 họ này là 58 loài chiếm 40.54% tổng số loài của khu vực nghiên cứu và số chi là 51 chi chiếm 38.92% số chi của khu vực.

3.2. Đa dạng về dạng sống của cây thuốc: các loài cây được làm thuốc ở Yên Tử rất đa dạng và phong phú thuộc 6 dạng sống (Bảng 2). Trong đó dạng cây bụi ưu thế nhất với 46 loài chiếm 32.17%, tập trung trong các họ Ô rô (Acanthaceae), Thầu dầu (Euphorbiaceae), Bông (Malvaceae), Cỏ roi ngựa (Verbenaceae), Cà phê (Rubiaceae), v.v. Tiếp theo là dạng thân thảo có 42 loài chiếm 28.67%, tập trung trong các họ gừng (Zingiberaceae), Cỏ (Poaceae), Hành (Liliaceae), Cúc (Asteraceae), Hoa mõm sói (Scrophulariaceae), v.v. Dạng cây gỗ có 28 loài chiếm 19.58%, tập trung trong các họ Sim (Myrtaceae), Cam (Rutaceae), Long não

(Lauraceae), Xoài (Anacardiaceae), Na (Annonaceae), Dâu tằm (Moraceae), v.v. Dạng dây leo thân gỗ có 15 loài chiếm 10.40%, tập trung trong các họ Na (Annonaceae), Huyết đằng (Sargentodoxaceae), Cà phê (Rubiaceae), v.v. Dạng dây leo thân thảo có 11 loài chiếm 7.69%, tập trung trong các họ Tiết dê (Menispermaceae), Bách bộ (Stemonaceae), Kim cang (Smilacaceae), Bầu bí (Cucurbiaceae), v.v. Riêng đối với thực vật dạng thân gỗ có giá trị làm thuốc chiếm tỷ lệ tương đối lớn, tuy nhiên trong số đó phần lớn là cây gỗ nhỏ. Nhiều cây gỗ nhỏ và gỗ lớn mặc dù có giá trị làm thuốc, nhưng lại ít được nhân dân sử dụng.

Bảng 2. Đa dạng về dạng sống của cây thuốc ở khu vực nghiên cứu

TT	Dạng sống	Số lượng loài	Tỷ lệ %
1	Cây bụi	46	32.17
2	Cây thảo	42	29.37
3	Cây gỗ	28	19.58
4	Dây leo thân gỗ	15	10.49
5	Dây leo thân thảo	11	7.69
6	Thân tre	1	0.70
	Tổng	143	100

3.3. Đa dạng về các bộ phận sử dụng của cây thuốc

Trong quá trình nghiên cứu bộ phận sử dụng của các cây thuốc, chúng tôi chia ra các bộ phận chính là: Thân, rễ, lá, hoa, quả, hạt, củ, vỏ cây, nhựa và cả cây (Bảng 3).

Bảng 3. Đa dạng về bộ phận sử dụng của cây thuốc

TT	Tên bộ phận sử dụng	Số loài thực vật	Tỷ lệ %	Hình thức khai thác
1	Lá	81	32.79	Hái lá bánh tẻ, lá non, lá già
2	Thân	53	21.46	Chặt đoạn thân
3	Rễ	40	16.19	Đào lấy rễ
4	Quả	31	12.56	Thu quả non, quả già
5	Củ	17	6.89	Đào lấy củ
6	Hoa	8	3.24	Hái hoa
7	Cả cây	7	2.83	Nhỏ cả cây
8	Vỏ cây	5	2.02	Đeo vỏ
9	Hạt	4	1.62	Thu nhặt hạt
10	Nhựa	1	0.40	Chích lấy nhựa

Lá là bộ phận sử dụng nhiều nhất với 81 loài, chiếm 32.79%. Đây là bộ phận dễ thu hái với nhiều cách sử dụng khác nhau (có thể nhai, nuốt, đắp, đun nước...). Thân, rễ và quả cũng được sử dụng nhiều (thân: 21.46%, rễ: 16.19%, quả: 12.56%) với những bộ phận này cách sử dụng thường cầu kỳ hơn (Đun nước uống, sao, sắc, nghiền, giã...). Để thấy rõ hơn sự đa dạng về bộ phận làm thuốc của cây, chúng tôi tiến hành tổng hợp tỷ lệ các loài với các bộ phận sử dụng (Bảng 4). Qua kết quả ở Bảng 4 cho thấy có 55 loài cho 2 bộ phận sử dụng chiếm 41.26%, 16 loài cho 3 bộ phận sử dụng chiếm 11.19%, 2 loài cho 4 bộ phận sử dụng chiếm 1.40% và 11 loài có thể sử dụng cả cây chiếm 7.69%. Điều này cho thấy thực vật làm thuốc ở khu vực nghiên cứu rất đa dạng về bộ phận sử dụng. Nhưng cũng chính điều này lại là một khó khăn cho việc duy trì và phát triển nguồn thực vật làm thuốc bởi vì khi có sự khai thác nhiều bộ phận trên cùng một cây sẽ gây ảnh hưởng lớn đến sinh trưởng và phát triển của cây đó.

Bảng 4. Tỷ lệ các loài với các bộ phận sử dụng

TT	Số bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ % so với tổng số loài
1	1 bộ phận	59	41.26
2	2 bộ phận	55	38.46
3	3 bộ phận	16	11.19
4	4 bộ phận	2	1.40
5	Cả cây	11	7.69
	Tổng	143	100

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được hoàn thành với sự hỗ trợ GPS và camera của IDEA WILD Organization. Các tác giả xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban Quản lý Rừng đặc dụng Yên Tử, Quảng Ninh trong việc thu thập mẫu vật.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Trung Thành, Phùng Văn Phê, Nguyễn Nghĩa Thìn, Kết quả nghiên cứu bước đầu về hệ thực vật tại rừng đặc dụng Yên Tử, Quảng Ninh, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ* 23 (2007) 194.
- [2] Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, *Sách đỏ Việt Nam (phần thực vật)*, Nxb. Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội, 1996.
- [3] Chính Phủ, *Nghị định số 32/2006/NĐ-CP*, 2006.
- [4] R.K. Brummitt, *Vascular plant families and genera*, Royal botanic garden, Kew, 1992.
- [5] Werner Greuter, *International Code of Botanical Nomenclature (Tokyo Code)*, Koeltz Scientific Books, D-61453 Königstein, Germany, 1994.
- [6] Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ Việt Nam*, Quyển 1-3, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1999-2000.
- [7] Đỗ Tất Lợi, *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. Y Học, Hà Nội, 2001.
- [8] Nguyễn Nghĩa Thìn, *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 1997.
- [9] Võ Văn Chi, *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nxb. Y học, Hà Nội, 1996.
- [10] Trung tâm nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, Tập I-III, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2001-2005.
- [11] Nguyễn Tiến Bản, *Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 1997.
- [12] Nguyễn Nghĩa Thìn, Nguyễn Thanh Nhân, *Đa dạng thực vật Vườn Quốc Gia Pù Mát*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2004.

Medicinal plant diversity at the Research Forest in Yen Tu, Quang Ninh

Phung Van Phe¹, Nguyen Trung Thanh²

¹*Department of Biology, Faculty of Forestry, Vietnam Forestry University,
Xuan Mai, Chuong My, Hanoi, Vietnam*

²*Faculty of Biology, College of Science, VNU, 334 Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam*

Medicinal plant resource of the Research Forest in Yen Tu, Quang Ninh province was assessed between 2006 and 2008. In the area under review, 143 species belonging to 131 genera and 69 families were identified. Among these species, there are 5 (3.82%) Polypodiophyta, 1 (0.70%) Gymnospermae and 137 (95.80%) Angiospermae species (107 Dicotyledonae, 30 Monocotyledonae). The richest 10 families and genus with 58 (40.54%) species and 51 (38.92%), respectively are Asteraceae, Fabaceae, Euphorbiaceae, Rutaceae, Zingiberaceae, Lamiaceae, Caesalpiniaceae, Rubiaceae, Poaceae, Alliaceae. Six life-forms of medicinal species used at the research forest in Yen Tu with 143 species. The most of them are belong shrub 46 (32.17%), herb 41 (28.67%) and others. The diversity of plant parts used shown as the leaves 81 (32.79%), whole plant 53 (21.46%), root 40 (16.19%) and fruit 31 (12.56%) species, respectively.

Keywords: Medicinal plant diversity, Yen Tu, Quang Ninh.